TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2020/DS-PT
Ngày: 29-4-2020
V/v Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY N

T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân**.**

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Son;

Bà Trương Thị Tuyền.

- Thư kY phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến - Thư kY Tòa án nhân dân tỉnh Tây N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây N xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lY số: 103/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2020 về việc "*Tranh chấp đòi tải sản*" .

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 05/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2020/QĐXXPT- DS ngày 24 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ 2, Khu phố 1, Phường 4, T phố Tây N, tỉnh Tây N (Vắng mặt).

Chị Nguyễn Khả K, sinh năm 1997; Địa chỉ: B1/2C, ấp Long T, xã Long T B, huyện Hòa T, tỉnh Tây N (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Lê Phước Y, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 493, đường Bời Lời, khu phố N T, phường N S, T phố Tây N, tỉnh Tây N – Là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 29/6/2018) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1967; Địa chỉ: B1/2C, ấp Long T, xã Long T B, huyện Hòa T, tỉnh Tây N (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lâm Hoàng T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 145/12 Bis Lê Quang Định, Phường 14, quận Bình T, T phố Hồ Chí

M – Là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 20/8/2018) (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Nguyễn Khả D, sinh năm 2001; Địa chỉ: Tổ 2, Khu phố 1, Phường 4, T phố Tây N, tỉnh Tây N (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của chị D: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ 2, Khu phố 1, Phường 4, T phố Tây N, tỉnh Tây N (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2 Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 2000; Địa chỉ: ấp N Hiệp, xã Bàu Năng, huyện Dương M Châu, tỉnh Tây N; Tạm trú: B1/2C, ấp Long T, xã Long T B, huyện Hòa T, tỉnh Tây N (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Lê Phước Y trình bày:

Bà Nguyễn Thị N kết hôn với ông Nguyễn Văn S từ năm 1996, có hai con chung là Nguyễn Khả K, sinh năm 1997 và Nguyễn Khả D, sinh năm 2001. Trong quá trình chung sống, bà N, ông S tạo lập được khối tài sản chung gồm: 01 thửa đất diện tích 529,3m^2 tọa lạc tại ấp Long T, xã Long T B, huyện Hòa T, tỉnh Tây N, thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 9. Trên đất có 01 căn nhà cấp 2, diện tích xây dựng 125,8m^2, diện tích sàn 518,65m^2 và căn nhà tạm A, diện tích 127,2m^2, phần mái che xung quanh nhà chính có diện tích 276,3m^2, phần mái che ngoài lộ giới có diện tích 52,35m^2.

Ngày 12/6/2009, ông S lập hợp đồng tặng cho vô điều kiện quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nói trên cho bà N và hai con là chị K và chị D cùng sở hữu. Đến tháng 9/2009, do nhận thấy cuộc sống hôn hân không hạnh phúc, bà N và ông S thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 115/2009/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện Hòa T. Sau đó, bà N, chị D, chị K dọn ra ngoài thuê nhà trọ để ở và làm ăn sinh sống. Bà N nhiều lần yêu cầu ông S di dời đi nơi khác để bà N và các con có thể về nhà ở nhưng ông S không chịu và còn chửi mắng, đánh đập bà. Sau khi ly hôn, bà N đem hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nói trên đi chuyển quyền sở hữu và đến năm 2016, khi các con của bà N trưởng T, bà N đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đổi T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CĐ 174045 do bà Nguyễn Thị N đứng tên,số CĐ 174042 do Nguyễn Khả D đứng tên, số CĐ 174044 do Nguyễn Khả K đứng tên. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 29/7/2016. Nay bà N yêu cầu ông S di dời toàn bộ đồ đạc, vật dụng cá nhân để trả lại phần đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc

thửa 20, tờ bản đồ số 9, diện tích 529,3m^2, tọa lạc tại ấp Long T, xã Long T B, huyện Hòa T, tỉnh Tây N.

Ngoài ra, đối với yêu cầu phản tố của ông S, yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Tây N ngày 12/6/2009 thì bà N không đồng Y, vì: Tại T điểm ông S kY tên trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên, ông S hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, việc tặng cho này không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và các bên thỏa thuận việc tặng cho là không có điều kiện. Căn cứ Điều 5 Luật Công chứng năm 2014 quy định Văn bản công chứng có giá trị pháp lY không cần phải chứng M. Vì vậy, yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn S là không có căn cứ, trái quy định của pháp luật nên phía nguyên đơn không đồng Y.

Bà N, chị D, chị K đồng Y với kết quả đo đạc định giá ngày 13/6/2019 của Hội đồng định giá. Đối với chi phí đo đạc định giá số tiền 3.000.000 đồng, bà N tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Trong đơn phản tố đề ngày 19/8/2019 của bị đơn ông Nguyễn Văn S. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lâm Hoàng T trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của anh Y về mối quan hệ giữa bà N và ông S, hai bên là vợ chồng nhưng đã ly hôn từ tháng 9/2009 và có hai con chung tên Nguyễn Khả K, sinh năm 1997 và Nguyễn Khả D, sinh năm 2001.

Tháng 6/2019, ông S và bà N có ra Phòng Công chứng số 01, tỉnh Tây N làm thủ tục kY hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 413, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD đối với tài sản là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 9 có diện tích 529,3m^2, tọa lạc tại ấp Long T, xã Long T B, huyện Hòa T, tỉnh Tây N và các công trình có trên đất, gồm: Căn nhà chính cấp 2, diện tích 518,65 m^2. Nội dung thỏa thuận là ông Nguyễn Văn S đồng Y cho đứt tài sản nhà đất nêu trên cho bà N và chị D, chị K.

Nay bà N, chị K, chị D khởi kiện yêu cầu ông S di dời toàn bộ đồ đạc cá nhân để trả lại nhà và đất nêu trên thì ông S đồng Y nhưng với điều kiện ông S được lưu cư 10 năm.

Ngày 19/8/2019, ông Nguyễn Văn S có nộp đơn phản tố yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12/6/2009 nêu trên, cụ thể ông S yêu cầu hủy Khoản 1 Điều 2 của hợp đồng với lY do: Điều khoản này không đúng với Y chí chung của ông S với bà N đã bàn bạc trước khi kY hợp đồng tặng cho, ban đầu hai bên thỏa thuận là ông S đồng Y giao nhà đất này cho bà N, chị D, chị K với điều kiện khi nào ông S chết, khi còn sống thì ông S vẫn quản lY, sử dụng làm nơi ở và kinh doanh. Bà N đã lừa dối ông S khi soạn thảo hợp đồng, đã đưa nội dung giao thửa đất và tài sản gắn liền với đất vào T điểm ngay sau khi kY hợp đồng là trái với Y chí của ông S. Do ông S tin tưởng bà N và công chứng viên nên không xem kỹ nội dung của hợp đồng mà kY vào hợp đồng. Ngoài ra, cũng theo đơn phản tố ngày 19/8/2019, ông S còn yêu cầu chia

tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn nhưng ngày 19/11/2019 ông S đã nộp đơn rút lại yêu cầu này.

Ông S thống nhất với biên bản thẩm định tài sản ngày 13/6/2019 và biên bản định giá tài sản cùng ngày.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Khả D là bà Nguyễn Thị N thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/ DS-ST ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa T tuyên xử:

Căn cứ Điều 256, Điều 722, Điều 724 và Điều 726 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lY và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1**.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Khả K đối với ông Nguyễn Văn S về việc đòi lại tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Ngọc L di dời tài sản, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình đi nơi khác để trả lại cho bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Khả K và chị Nguyễn Khả D 01 phần đất có diện tích 529,3m^2, tại thửa số 20, tờ bản đồ số 09, trên đất có 01 căn nhà cấp 2 diện tích 518,65m^2, diện tích chiếm đất 125,8m^2, căn nhà tạm A có diện tích 127,2m^2, phần mái che xung quanh nhà chính diện tích 276,3m^2 và phần mái che ngoài lộ giới có diện tích 52,35m^2, nhà và đất nêu trên tọa lạc tại ấp Long T, xã Long T B, huyện Hòa T, tỉnh Tây N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số CĐ 174045 do bà Nguyễn Thị N đứng tên cùng sử dụng đất với Nguyễn Khả D, Nguyễn Khả K, CĐ 174042 do Nguyễn Khả D đứng tên cùng sử dụng đất với Nguyễn Thị N; Nguyễn Khả K, CĐ 174044 do Nguyễn Khả K đứng tên cùng sử dụng đất với Nguyễn Thị N; Nguyễn Khả D do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 29/7/2016, có tứ cận:Hướng Đông giáp đường 10m tráng xi măng dài 32,20m;hướng Tây giáp thửa đất số 13, thửa đất số 19 dài 31,85m; hướng B giáp đường Nguyễn Văn L dài 10,47m; hướng Nam giáp thửa số 106, 107 dài 8,97 + 15,44m.

Ông Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Ngọc L được lưu cư trên nhà, đất nêu trên trong T hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hết T hạn lưu cư này ông S, chị L phải di dời tài sản, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình đi nơi khác để giao trả nhà, đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Khả K, chị Nguyễn Khả D.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn S đối với bà Nguyễn Thị N về việc hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập tại Phòng Công chứng số 1, tỉnh Tây N ngày 12/6/2009 giữa ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Khả K, chị Nguyễn Khả D.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng; quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20-02-2020 ông Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp cho ông có T gian lưu cư từ khoản 05 năm đến 10 năm để ông có điều kiện sắp xếp nơi ở và nơi kinh doanh khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông S và người đại diện theo ủy quyền của ông thay đổi yêu cầu kháng cáo là ông S chỉ yêu cầu được lưu cư thêm T gian 05 năm để tìm nơi ở và nơi khác kinh doanh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng Y với yêu cầu kháng cáo của ông S, yêu cầu giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N tham gia phiên tòa có Y kiến như sau:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 05/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa T, tỉnh Tây N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Y kiến của Kiểm sát viên, Y kiến của đương sự , Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Khả D, chị Nguyễn Thị Ngọc L có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn S thấy rằng:

[2.1] Ngày 12-6-2009 ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N đến Phòng Công chứng số 1, tỉnh Tây N làm thủ tục kY hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 413, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD đối với tài sản là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 9 có diện tích 529,3m^2, đất tọa lạc tại ấp Long T, xã Long T B, huyện Hòa T, tỉnh Tây N và các công trình có trên đất, gồm: Căn nhà chính cấp 2, diện tích 518,65 m^2 cho bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Khả K và chị Nguyễn Khả D.

[2.2] Hợp đồng tặng cho không có điều kiện và tại Điều 2 của Hợp đồng nêu rõ việc giao và đăng kY quyền sử dụng đất, đăng kY quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất *" Bên A có nghĩa vụ giao thửa đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cùng giấy tờ về quyền sử dụng, giấy tờ sở hữu tài sản gắn liền với đất cho bên B vào T điểm ngay sau khi hợp đồng này được công chứng viên, Phòng công chứng số 1 tỉnh Tây N kY"*.

[2.3] Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn theo Quyết định số 115/2009/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện Hòa T.

[2.4] Ngày 29-7-2016 bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Khả K và chị Nguyễn Khả D được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CĐ 174045 do bà Nguyễn Thị N đứng tên, số CĐ 174042 do Nguyễn Khả D đứng tên, số CĐ 174044 do Nguyễn Khả K đứng tên.

[2.5] Từ khi ly hôn và tặng cho tất cả nhà đất nêu trên thì ông S vẫn tiếp tục ở và kinh doanh trên nhà đất đã tặng cho bà N, chị K và chị D cho đến nay.

[3] Ngày 29-6-2018 bà N, chị K mới khởi kiện yêu cầu ông S trả lại diện tích 529,3m^2 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 2 tọa lạc tại ấp Long T, xã Long T B, huyện Hòa T, tỉnh Tây N để bà N, chị K và chị D về nhà ở. Ông S đồng Y và thống nhất giao lại đất diện tích 529,3m^2 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 2 tọa lạc tại ấp Long T, xã Long T B, huyện Hòa T, tỉnh Tây N cho bà N, chị K và chị D, nhưng ông xin được tiếp tục lưu cư thêm từ 05 năm, nhưng không được bà N, chị K và chị D đồng Y nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông S, bởi lẽ từ ngày ly hôn và tặng cho tài sản nêu trên là từ năm 2009 đến nay ông S đã sử dụng 11 năm mà ông vẫn không tìm nơi khác để ở và kinh doanh.

[4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2020/DS- ST ngày 05-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa T, tỉnh Tây N.

[5] Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên ông S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lY và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S .

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2020/DS- ST ngày 05-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa T, tỉnh Tây N.

Căn cứ Điều 256, Điều 722, Điều 724 và Điều 726 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lY và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Khả K đối với ông Nguyễn Văn S về việc đòi lại tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Ngọc L di dời tài sản, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình đi nơi khác để trả lại cho bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Khả K và chị Nguyễn Khả D 01phần đất có diện tích 529,3m^2, tại thửa số 20, tờ bản đồ số 09, trên đất có 01 căn nhà cấp 2 diện tích 518,65m^2, diện tích chiếm đất 125,8m^2, căn nhà tạm A có diện tích 127,2m^2, phần mái che xung quanh nhà

chính diện tích 276,3m^2 và phần mái che ngoài lộ giới có diện tích 52,35m^2, nhà và đất nêu trên tọa lạc tại ấp Long T, xã Long T B, huyện Hòa T, tỉnh Tây N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số CĐ 174045 do bà Nguyễn Thị N đứng tên cùng sử dụng đất với Nguyễn Khả D, Nguyễn Khả K, CĐ số174042 do Nguyễn Khả D đứng tên cùng sử dụng đất với Nguyễn Thị N; Nguyễn Khả K, số CĐ 174044 do Nguyễn Khả K đứng tên cùng sử dụng đất với Nguyễn Thị N; Nguyễn Khả D do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 29/7/2016, có tứ cận:

Hướng Đông giáp đường 10m tráng xi măng dài 32,20m.

Hướng Tây giáp thửa đất số 13, thửa đất số 19 dài 31,85m.

Hướng B giáp đường Nguyễn Văn L dài 10,47m.

Hướng Nam giáp thửa số 106, 107 dài 8,97 + 15,44m.

Ông Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Ngọc L được lưu cư trên nhà, đất nêu trên trong T hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hết T hạn lưu cư này ông S, chị L phải di dời tài sản, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình đi nơi khác để giao trả nhà, đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Khả K, chị Nguyễn Khả D.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn S đối với bà Nguyễn Thị N về việc hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập tại Phòng Công chứng số 01, tỉnh Tây N ngày 12/6/2009 giữa ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Khả K, chị Nguyễn Khả D.

3. Về chi phí đo đạc, định giá: Ghi nhận bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu 2.979.000 đồng (hai triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng) chi phí đo đạc, định giá tài sản tranh chấp.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn S phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013865 ngày 23 tháng 08 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa T, tỉnh Tây N. Ông S còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0012178 ngày 03/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa T, tỉnh Tây N.

5. Án phí phúc thẩm: Ông nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008553 ngày 28-02-2020 của Chi cục thi hành án huyện Hòa T, tỉnh Tây N. Ghi nhận đã nộp xong.

6.Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; T hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây N;
- TAND thị xã Hòa T;
- Chi cục THADS thị xã Hòa T;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**